

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HC-PT

Ngày: 25/3/2021.

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Bà Nguyễn Thị X.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 401/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 306/2020/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2339/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Ánh T, sinh năm 1980; ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số 8, ngách 72/162 đường Nguyễn T, phường Thượng Đì, quận Thanh X, thành phố H; bà T có mặt, ông V vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Đình L và ông Phạm Tuấn I - Luật sư văn phòng luật sư 68 thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Luật sư L có mặt; luật sư I vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Ngọc A - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Văn Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Giấy uỷ quyền số 85/GUQ-UBND ngày 06/10/2020); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch UBND quận X, thành phố H.

Ông Nguyễn Xuân L - Chủ tịch UBND quận X.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hồng Thắng - Phó Chủ tịch UBND quận X (Giấy uỷ quyền số 40/UQ-UBND ngày 18/01/2021); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. UBND quận X, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Lưu - Chủ tịch UBND quận X;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hồng T - Phó Chủ tịch UBND quận X (Giấy uỷ quyền số 40/UQ-UBND ngày 18/01/2021); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND phường Đ, quận X, thành phố H.

Ông Trần Phan M - Phó Chủ tịch UBND phường Đ; có mặt.

3.2. Cháu Nguyễn Bùi Tuệ L, sinh năm 2009; vắng mặt.

3.3. Cháu Nguyễn Bùi Thái S, sinh năm 2014; vắng mặt.

Người giám hộ: Bà Bùi Ánh T; ông Nguyễn Văn V; bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện trình bày:

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch trên địa bàn phường Đ, UBND quận X đã ban hành các quyết định hành chính đối với ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Ánh T như sau:

Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 thu hồi 67,7m² đất ở thuộc thửa số 2, 3, 17, tờ bản đồ số 6G-III-21 và 6G-III-27 tại địa chỉ số 8, ngách 72/162, đường Nguyễn T, phường Đ, quận X, thành phố H.

Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Cụ thể:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.431.465.000 đồng gồm các khoản sau đây:

+ Bồi thường về đất ở đối với 67,7m² đất x 20.755.000 đồng/m² x tỷ lệ bồi thường 100% = 1.405.113.500 đồng.

+ Bồi thường, hỗ trợ công trình trên đất bao gồm:

- 15m² nhà tạm xây tường gạch 110, cao dưới 3m với giá 1.300.000 đồng/m² x tỷ lệ 100% = 19.500.000 đồng.

- 52,7m² công trình xây dựng không nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất, xây dựng sau 01-7-2004 nhưng trước 01-7-2014 với giá 1.300.000 đồng/m² x tỷ lệ hỗ trợ 10% = 6.851.000 đồng.

2. Phương án tái định cư: Được mua 01 căn hộ tái định cư 1005 (căn góc hướng Bắc) nhà chung cư DDN3 lô đất OTC1 - Khu đô thị Bắc Linh Đàm mở rộng quận Hoàng Mai, diện tích 58,12m² x đơn giá 17.575.000 đồng/m² = 1.021.459.000 đồng.

3. Đối trừ tiền mua nhà tái định cư với tiền bồi thường, hỗ trợ, ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Ánh T được nhận 410.006.000 đồng.

4. Thương tiến độ:

- Trước 16 ngày tính đến thời điểm quy định bàn giao mặt bằng là 5.000.000 đồng.

- Trước 15 ngày tính đến thời điểm quy định bàn giao mặt bằng là 4.000.000 đồng.

- Trước ngày quy định bàn giao mặt bằng là 3.000.000 đồng.

Do không tự nguyện bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch UBND quận X đã ban hành Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà T và ông V.

Không đồng ý với hoạt động thu hồi đất nêu trên, bà T và ông V đã khiếu nại. Chủ tịch UBND quận X đã ban hành Quyết định số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà T và ông V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Do bà T và ông V tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận X.

Ngày 29-01-2016, bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về thu hồi đất và Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà T và ông V bổ sung yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Ngày 24-9-2019, bà T và ông V bổ sung yêu cầu hủy:

Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 của Chủ tịch UBND quận X về cưỡng chế thu hồi đất.

Quyết định số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận X về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngày 18-11-2019, ông Bùi Xuân Hiếu là người đại diện theo ủy quyền của bà T và ông V bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với:

Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng.

Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 05-3-2009 của UBND thành phố H về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 Nguyễn T, quận X, thành phố H.

Lý do khởi kiện của bà T và ông V như sau:

1. Thủ tục thu hồi đất không đúng: Việc UBND quận X và UBND thành phố H lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đoạn tuyến đường nêu trên nhưng không lấy ý kiến nhân dân; người dân có đất bị thu hồi không biết, không được tham gia là vi phạm Điều 43 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 16, Điều 17 Luật Xây dựng năm 2014. Chỉ sau hơn 4 tháng đã phê duyệt dự án, ngày 05-02-2015 thì UBND phường Đ mới tổ chức họp để thông báo cho các hộ dân về quy hoạch dự án; phê duyệt xong dự án mới tổ chức họp mang tính chất thông báo chứ không phải mục đích lấy ý kiến nhân dân.

2. Mục đích thu hồi đất không đúng: Mục tiêu chính, bản chất thực hiện dự án là phục vụ lợi ích cho Khu đô thị R, chủ đầu tư là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển địa ốc thành phố Hoàng Gia, không phải để tránh ùn tắc giao thông.

3. Dự án xây dựng là không phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND quận X. Toàn bộ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của quận X đến năm 2020 và kỳ đầu từ năm 2011-2015 không thấy dự án này. Tại Biểu 11/CH có nêu danh mục các công trình, dự án trong kỳ kế hoạch quận X không có dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng. Trong trường hợp bổ sung quy hoạch cũng không phù hợp vì ngày 21-8-2014 Sở Giao thông vận tải mới có Tờ trình số 679/TTr-SGTVT gửi UBND thành phố H và UBND thành phố ra Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 phê duyệt dự án. Tại thời điểm này, việc phê duyệt bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, việc điều chỉnh khi có sự điều chỉnh quy hoạch của cấp trên trực tiếp làm ảnh hưởng đến quy hoạch sử dụng đất. UBND thành phố H muốn điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thì phải có sự điều chỉnh quy hoạch của Chính phủ đối với quy hoạch sử dụng đất của UBND thành phố H.

4. Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng, thuộc trường hợp phải dừng thực hiện theo quy định tại Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; do dự án chưa có kế hoạch sử dụng để thu hồi đất nên UBND

cấp tỉnh phải có trách nhiệm rà soát các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước 01-7-2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất để xử lý theo điểm b của Điều luật này.

5. UBND quận X thực hiện dự án không được HĐND cùng cấp phê duyệt quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Luật Đất đai 2003 và khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013.

Quan điểm của Chủ tịch & UBND quận X thể hiện tại Công văn số 1002/UBND-BBT ngày 11-7-2017 và Bản tự khai ngày 16-8-2018 cho rằng: Các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V là đúng pháp luật, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà T và ông V.

Theo đại diện của Chủ tịch UBND thành phố H: Khẳng định nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là đúng.

Theo UBND phường Đ: UBND phường Đ đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu hồi đất đối với bà T và ông V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 306/2020/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 10 Điều 22; Điều 28; khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại; khoản 6 Điều 22; khoản 2 Điều 63; khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai; Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QQĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V đề nghị hủy:

Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 thu hồi 67,7m² đất ở thuộc thửa số 2, 3, 17, tờ bản đồ số 6G-III-21 và 6G-III-27 tại địa chỉ số 8, ngách 72/162, đường Nguyễn T, phường Đ, quận X, thành phố H.

Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 của Chủ tịch UBND quận X về cưỡng chế thu hồi đất.

Quyết định số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận X về giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2020, người khởi kiện bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Bùi Ánh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của bản án sơ thẩm, huỷ các quyết định bị khởi kiện.

Ông Trần Phan Mỹ đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 24-11-2016, bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án có bổ sung yêu cầu khởi kiện đề huỷ các quyết định gồm: Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về việc thu hồi đất; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại và khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 về phê duyệt dự án đầu tư và Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 05-3-2009 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 Nguyễn T, quận X, thành phố H do UBND thành phố H ban hành không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về việc thu hồi đất; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND quận X về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành các quyết định: UBND quận X ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Chủ tịch UBND quận X ban hành quyết định cưỡng chế là đúng theo quy

định tại; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 66; Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai.

[2.1.2]. Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định:

Ngày 05/3/2009, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu chức năng đô thị tại đường Nguyễn T, quận X, Hà Nội trong đó có quy hoạch giao thông.

Ngày 02/10/2013, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5982/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận X (kèm theo quyết định là Kế hoạch sử dụng đất của UBND quận X được Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 19/9/2013 trong đó có danh mục các công trình. Dự án trong kỳ kế hoạch quận X tại biểu số 11/CH, mục QH đất giao thông (khu R) diện tích 7.35ha thuộc phường Đ, kế hoạch thực hiện năm 2012).

Ngày 14/10/2013, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND về phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng (thuộc tuyến đường nối từ phố Quan Nhân đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng).

Ngày 08/01/2014, UBND Thành phố H ban hành Văn bản số 133/UBND-QHXDGT triển khai đầu tư Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng, có nội dung: *“...giao UBND quận X làm chủ đầu tư thực hiện phần công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư (công tác GPMB) của Dự án...”*.

Ngày 25/9/2014, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 4957/QĐ-UBND phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng.

Ngày 08/5/2014, UBND quận X ban hành Thông báo số 188/TB-UBND thu hồi đất thuộc phường Đ, quận X để thực hiện Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng. Ngày 30/6/2014, UBND quận X ban hành Quyết định số 3494/QĐ-UBND phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án. Ngày 11/11/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành bàn giao mốc giới thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) cho Ban Quản lý dự án quận X.

Ngày 18/11/2014, UBND Thành phố H ban hành Văn bản số 8984/UBND-TNMT thu hồi đất Dự án; trong đó, chỉ đạo: Dự án đã được UBND Thành phố phê duyệt và cho phép chuẩn bị đầu tư. Tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 14/10/2013, UBND quận X đã có Thông báo thu hồi đất và phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo quy định tại Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì Dự án thuộc Dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2014, không phải làm thủ tục báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục Dự án thu hồi đất năm 2015.

Ngày 19/12/2014, UBND quận X đã ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án. Ngày 19/12/2014, UBND quận X đã ban hành các Thông báo thu hồi đất đến từng người sử dụng đất (trong đó có hộ ông V). Ngày 09/6/2015, UBND quận X ban hành Quyết định số 2265/QĐ-UBND và Quyết định số 2266/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) phường Đ để thực hiện Dự án. Ngày 09/7/2015, UBND quận X có Kế hoạch số 128/KH-UBND về kế hoạch chi tiết GPMB thực hiện Dự án.

Ngày 21/7/2015, tại trụ sở UBND phường Đ: Lãnh đạo UBND quận X; Ban Tuyên giáo Quận ủy; Ban Quản lý dự án quận X; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Ban bồi thường GPMB quận; Phòng Quản lý đô thị cùng Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc phường đã họp cùng các hộ dân để thông báo về kế hoạch tiến độ triển khai Dự án, căn cứ pháp lý, chính sách bồi thường; hỗ trợ và tái định cư, quy mô Dự án.

Ngày 22/7/2015, UBND phường Đ có biên bản bàn giao Thông báo điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ ông V nằm trong phạm vi thu hồi đất (gia đình đã nhận thông báo). Ngày 04/8/2015, UBND phường Đ có biên bản vận động thuyết phục đề người sử dụng đất thực hiện điều tra, khảo sát đo đạc, xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất trong phạm vi GPMB đối với hộ ông V (do hộ ông V không chấp thuận việc điều tra khảo sát).

Trong các ngày 18/8/2015, 19/8/2015, 27/8/2015, Tổ công tác GPMB đã tiến hành kê khai kiểm đếm nhưng không thực hiện được, do hộ ông V không đồng ý kiểm đếm. Ngày 09/9/2015, UBND quận X đã ban hành Quyết định số 4286/QĐ-UBND kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông V (đã giao quyết định tới gia đình theo Biên bản ngày 10/9/2015).

Ngày 06/10/2015, UBND quận X ban hành Quyết định số 4645/QĐ-UBND cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông V. Ngày 08/10/2015, UBND phường Đ có Thông báo số 49/TB-UBND cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông V và có biên bản niêm yết công khai 09 quyết định về việc cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc (trong đó có hộ ông V) tại trụ sở UBND phường, tổ dân phố nơi thu hồi đất, phát trên loa truyền thanh của phường.

Ngày 12/10/2015, Tổ công tác GPMB đã tiến hành lập biên bản kê khai kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông V: Tổng diện tích đất kiểm kê: 67,7m²; diện tích đất bị thu hồi 67,7m²; diện tích còn lại: 0m²; Công trình trên đất: nhà 01 tầng, tường xây 110, cao 03m...

Ngày 24/12/2015, UBND phường Đ có Xác nhận số 19/UBND-ĐC đối với hộ ông V, tổng diện tích đất đang sử dụng: 67,7m²; diện tích đất trong chỉ giới GPMB: 67,7m²; diện tích đất còn lại ngoài chỉ giới GPMB: 0m². Nguồn gốc: là đất ở, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 696302 do UBND quận X cấp ngày 12/11/2010, là đất ở gia đình sử dụng ổn định không có

tranh chấp.

Ngày 04/11/2016, UBND quận X ban hành Quyết định số 3716/QĐ-UBND về việc thu hồi 67,7m² đất của hộ ông V bà T để thực hiện Dự án.

Ngày 04/11/2016, UBND quận X ban hành Quyết định số 3731/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông V.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã có các Thông báo số 22/TB-HĐBT ngày 07/11/2016, số 28/TB-HĐBT ngày 12/12/2016 và số 01/TB-HĐBT ngày 03/01/2017 thông báo thời gian chi trả tiền bồi thường hỗ trợ và thời gian bàn giao mặt bằng gửi đến hộ ông V. Tuy nhiên, hộ ông V không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án.

Ngày 05/01/2017, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND về việc bán 07 căn hộ tái định cư tại đơn nguyên ĐN3 lô đất OCT1 điểm XI khu đô thị Bắc Linh Đàm mở rộng cho các hộ gia đình để tái định cư do phải di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, trong đó có hộ ông V. Ngày 18/5/2017, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư quận có Thông báo số 10/TB-HĐBT về thời gian làm thủ tục mua căn hộ tái định cư và thời hạn bàn giao mặt bằng gửi đến hộ ông V để làm thủ tục nhận nhà tái định cư. Gia đình ông V không nhận tiền bồi thường hỗ trợ, không làm thủ tục nhận nhà tái định cư và không bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Trong các ngày 25/8/2017, 01/9/2017; UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Đ đã phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận X và các phòng ban liên quan tổ chức vận động, thuyết phục hộ ông V nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nhưng hộ ông V vẫn không chấp hành.

Ngày 12/10/2017, Chủ tịch UBND quận X ban hành Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông V.

Như vậy, dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng, trên địa bàn phường Đ, quận X thuộc trường hợp thu hồi đất vì mục đích công cộng do Nhà nước thu hồi đất để giao chủ đầu tư thực hiện Dự án. UBND quận X được giao làm chủ đầu tư thực hiện công tác GPMB của Dự án. Thực hiện các văn bản phê duyệt, chỉ đạo thực hiện Dự án của UBND Thành phố H, UBND quận X, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận X, UBND phường Đ đã tiến hành các bước theo trình tự, thủ tục về thu hồi, GPMB theo quy định đối với Dự án và đối với hộ ông V theo đúng quy định theo quy định tại Điều 66; Điều 69; Điều 70 Luật đất đai năm 2013; Điều 30 đến Điều 34 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Do hộ ông V không chấp hành bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch UBND quận X ban hành Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 34 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và bà T đề nghị huỷ Quyết định số 3716/QĐ-UBND, Quyết định số 3731/QĐ-UBND và Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND quận X; Quyết định giải quyết khiếu nại số 2800/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà T và ông V cho rằng UBND quận X ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đảm bảo trình tự, thủ tục; ngày 08/12/2017, Chủ tịch UBND quận X đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4728/QĐ-CTUBND không chấp nhận khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2800/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H không chấp nhận khiếu nại của ông V và bà T. Chủ tịch UBND quận X, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định tại khoản 10 Điều 22, khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại.

Chủ tịch UBND quận X ban hành Quyết định cưỡng chế số 3870/QĐ-CTUBND là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 4728/QĐ-CTUBND đã không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên quyết định cưỡng chế là đúng và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện huỷ các quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và hoàn trả cho ông V và bà T số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0020195 ngày 22/6/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông V mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm là chưa chính xác; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa về phần án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Ánh T.

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 10 Điều 22; Điều 28; khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại; khoản 6 Điều 22; khoản 2 Điều 63; khoản 2

Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 70; Điều 71 Luật đất đai; Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Ánh T và ông Nguyễn Văn V đề nghị hủy:

Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về việc thu hồi 67,7m² đất ở thuộc thửa số 2, 3, 17, tờ bản đồ số 6G-III-21 và 6G-III-27 tại địa chỉ số 8, ngách 72/162, đường Nguyễn T, phường Đ, quận X, thành phố H;

Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận X về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất;

Quyết định số 3870/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 của Chủ tịch UBND quận X về cưỡng chế thu hồi đất;

Quyết định số 4728/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận X về giải quyết khiếu nại lần đầu;

Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Ánh T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm và hoàn trả cho ông V và bà T số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2015/0004686 ngày 19/5/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp và hoàn trả cho ông V và bà T số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0020195 ngày 22/6/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình